

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HS-ST
Ngày 28-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Bà Phùng Ngọc Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2021/TLST- HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2021/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 241/2021/HSST- QĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Trịnh Văn T**, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn S và bà Đỗ Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Lan P (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 8 năm 2021; có mặt.

2. **Phạm Tiến T**, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Hoàng Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 8 năm 2021; có mặt.

- *Bị hại*: Công ty Cổ phần giao hàng T; địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà V, Số P, phường M, Quận N, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng Q - Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị D - Chức vụ: Quản lý vùng - Công ty Cổ phần giao hàng T; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện V, TP. Hải Phòng (Theo Văn bản ủy quyền Số 233/2021/UQ-GHTK ngày 13 tháng 8 năm 2021), vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Những người làm chứng*: Chị Trần Thị Q; chị Lê Thị Hạnh H; anh Ngô Quốc T; ông Vũ Ngọc X; chị Nguyễn Thị Phương T; anh Đào Duy T; anh Đào Minh G; anh Bùi Văn P; chị Trần Thị T; chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác Ngô Thị T); anh Vũ Tuấn A; chị Bùi Thị N; chị Nguyễn Thị Bích P; chị Nguyễn Thị H; chị Phạm Thị Thu H; anh Vũ Ngọc V; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 06 năm 2020, Trịnh Văn T và Phạm Tiến T ký Hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần giao hàng T (không phải là Công ty Đại chúng theo Luật C), công việc của T và Th là nhân viên COD của Công ty, làm việc tại địa bàn huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. T và Th có nhiệm vụ nhận hàng của Công ty từ Kho hàng ở xã A, sau đó mang giao cho khách hàng và thu tiền về để nộp lại cho Công ty vào cùng ngày tại 02 thời điểm; ca sáng sau khi giao hàng xong phải về chốt hàng vào giao lại tiền cho Công ty vào 13 giờ; ca chiều giao hàng xong chốt hàng và giao tiền mặt vào 18 giờ. Đồng thời T và Th còn phải đăng nhập tình trạng giao hàng trên app.ghtk.vn dành riêng cho từng nhân viên COD ngay sau khi chốt ca.

Ngày 19/12/2020, chị Vũ Thị Thanh T là quản lý kho ở thôn A, xã A nhận được thông báo từ Công ty là có 03 khách hàng đã nhận được đơn hàng nhưng trên hệ thống vẫn báo là chưa giao được hàng - delay (02 đơn hàng có mã 685103903 và 721285465 do T giao và 01 đơn hàng có mã 643274920 do T giao). Ngày 20/12/2020, chị T cùng điều phối kho kiểm tra lại hàng hóa trong kho thì phát hiện có tất cả 19 đơn hàng do T và Th đi giao cho khách bị thiếu và phát hiện 02 vỏ đơn hàng có mã 685103903 và mã 643274920 được bọc lại như cũ trả về kho.

Sau đó Công ty liên lạc với khách hàng thì được biết tất cả 19 đơn hàng trên đã được giao cho khách trên địa bàn huyện An Lão nhưng T và Th đều không nộp lại tiền cho Công ty theo quy định. Cụ thể như sau:

T giao 11 đơn hàng: Ngày 17/12/2021 giao đơn hàng trị giá 8.904.500 đồng cho ông Vũ Ngọc X, ngày 18/12/2021 giao đơn hàng trị giá 3.180.000 đồng cho chị Nguyễn Thị H, ngày 18/12/2021 giao đơn hàng trị giá 1.188.000 đồng cho chị

Lê Thị Hạnh H, ngày 18/12/2021 giao đơn hàng trị giá 2.010.000 đồng cho chị Bùi Thị N, ngày 19/12/2021 giao đơn hàng trị giá 1.470.000 đồng cho chị Nguyễn Thị T, ngày 19/12/2021 giao đơn hàng trị giá 4.674.000 đồng cho chị Trần Thị T, ngày 19/12/2021 giao đơn hàng trị giá 1.225.000 đồng cho anh Ngô Quốc T, ngày 19/12/2021 giao đơn hàng trị giá 1.090.000 đồng cho anh Vũ Tuấn A, ngày 19/12/2021 giao đơn hàng trị giá 585.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Bích P, ngày 19/12/2021 giao đơn hàng trị giá 11.800.000 đồng cho chị Trần Thị Q, sáng ngày 20/12/2021 giao đơn hàng trị giá 585.000 đồng cho chị Nguyễn Sao M và do chị Nguyễn Thị Bích P nhận thay. Tổng số tiền theo 11 đơn hàng mà T đã giao cho Khách là 36.711.500 đồng.

Trong số những đơn hàng trên, ngày 17/12/2020, khi giao đơn hàng trị giá 8.904.500 đồng cho ông Vũ Ngọc X, T đã xin lại vỏ đơn hàng để mang về nộp vào kho báo chưa giao được hàng. Sau khi giao hàng cho chị T, T trao đổi với chị T là T đang cần tiền nên nhờ chị T nói dối, báo với chủ hàng là chưa nhận được hàng. Trên thực tế chị T đã nhận được hàng và giao đủ tiền hàng cho T nhưng T vẫn báo không giao được hàng.

Th giao 08 đơn hàng, cụ thể như sau: Ngày 16/12/2021 giao đơn hàng trị giá 1.292.500 đồng cho Nguyễn Thị Phương T; ngày 17/12/2021 giao đơn hàng trị giá 7.284.500 đồng cho Nguyễn Thị Phương T; ngày 18/12/2021 giao đơn hàng trị giá 2.240.000 đồng cho anh Đào Minh G; ngày 19/12/2021 giao đơn hàng trị giá 630.000 đồng cho chị Phạm Thị Thu H; ngày 19/12/2021 giao đơn hàng trị giá 590.000 đồng cho anh Vũ Ngọc V; ngày 19/12/2021 giao đơn hàng trị giá 11.032.500 đồng cho anh Bùi Văn P; sáng ngày 20/12/2021 giao đơn hàng trị giá 2.297.500 đồng cho anh Bùi Văn P; sáng ngày 20/12/2021 giao đơn hàng trị giá 4.457.000 đồng cho anh Đào Duy T. Tổng số tiền theo 08 đơn hàng mà Th đã giao cho khách là 29.824.000 đồng. Trong số những đơn hàng trên, khi giao hàng Th đã xin lại vỏ đơn hàng của ông anh Đào Duy P trị giá 11.032.500 đồng.

Sau khi bị phát hiện, khoảng 16 giờ ngày 20/12/2020, Th đã nộp lại cho Công ty số tiền 15.000.000 đồng. Tháng 8/2021, Trịnh Văn T đã tác động gia đình bồi thường số tiền 25.000.000 đồng cho Công ty.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện An Lão, T và Th khai nhận: Sau khi thu được tiền hàng của khách, T và Th đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, sử dụng để chi tiêu cá nhân hết, không còn khả năng thanh toán trả Công ty như quy định. Việc chiếm đoạt tài sản giữa T và Th không có sự bàn bạc, thống nhất và liên quan đến nhau. Về khắc phục thiệt hại, T đã bồi thường cho Công ty 25.000.000 đồng, Th bồi thường cho Công ty 15.000.000 đồng. Số tiền T còn nợ lại là 11.711.500 đồng. Th còn nợ lại là 14.824.000 đồng. Tuấn và Th đều đề nghị Công ty đối trừ tiền lương tháng 12/2020, tiền đặt cọc theo hợp đồng vào khoản tiền còn thiếu này.

Về vật chứng vụ án: Số tiền 29.824.000 đồng và số tiền 36.711.500 đồng mà Th và T chiếm đoạt của Công ty, cả hai đã chi tiêu hết nên không thu hồi được.

Đối với vỏ đơn hàng của các mã đơn 685103903, 643274920 và 721285465 do T và Th xin lại từ khách hàng, trả về kho để chốt với Công ty giả báo là chưa giao hàng được, hiện phía Công ty đã làm thất lạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty không đồng ý đối trừ khoản tiền này vì lý do T và Th đều vi phạm hợp đồng nên bị trừ tiền cọc và tiền lương tháng 12/2020. Do vậy Công ty yêu cầu Phạm Tiến T bồi thường số tiền còn lại là 14.824.000 đồng và yêu cầu Trịnh Văn T phải bồi thường số tiền còn thiếu 11.711.500 đồng.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã truy tố Trịnh Văn T và Phạm Tiến T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến đồng ý đối trừ khoản tiền lương tháng 12/2020 và tiền đặt cọc theo Hợp đồng lao động cho bị cáo Trịnh Văn T và Phạm Tiến T. Sau khi thực hiện việc đối trừ thì Trịnh Văn T đã bồi thường đầy đủ số tiền 36.711.500 đồng đã chiếm đoạt cho Công ty, Công ty không còn đề nghị gì về phần dân sự đối với Trịnh Văn T. Phạm Tiến T còn phải bồi thường cho Công ty số tiền 3.584.498 đồng. Đại diện Công ty xin giữ nguyên nội dung khác đã trình bày tại Cơ quan điều tra và đề nghị xử lý nghiêm về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Bị cáo Trịnh Văn T và Phạm Tiến T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo Phạm Tiến T đồng ý trả công ty số tiền bị chiếm đoạt còn thiếu là 3.584.498 đồng.

Toàn bộ những người làm chứng vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát trình bày lời luận tội: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo, về cơ bản đã giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trịnh Văn T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù, Phạm Tiến T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù cùng về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về dân sự, buộc bị cáo Phạm Tiến T phải tiếp tục bồi thường cho Công ty số tiền còn thiếu 3.584.498 đồng. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo tại phiên tòa: Hoàn toàn thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo không tranh luận gì thêm, đồng thời tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của đại diện bị hại và những người làm chứng tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của bị hại đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Toàn bộ những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai trong quá trình điều tra, những lời khai này đã được Cơ quan điều tra thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về nội dung:

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận như sau: Vào các ngày từ ngày 16 đến ngày 20 tháng 12 năm 2020, lợi dụng sự tin nhiệm của Công ty thông qua hình thức hợp đồng, sau khi thu được tiền hàng từ các khách hàng và bằng thủ đoạn gian dối báo chưa giao được hàng, Trịnh Văn T đã chiếm đoạt của Công ty Cổ phần giao hàng T tổng số tiền là 36.711.500 đồng, Phạm Tiến T đã chiếm đoạt của Công ty tổng số tiền 29.824.000 đồng để chi tiêu cá nhân, không hoàn trả Công ty theo hạn định. Do vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã truy tố đối với bị cáo Trịnh Văn T và Phạm Tiến T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trịnh Văn T và Phạm Tiến T đều có 03 ngày giao các đơn hàng giá trị trên 4.000.000 đồng nhưng các bị cáo đều không nộp lại tiền cho Công ty như quy định và đã chiếm đoạt để sử dụng số tiền đó vào mục đích cá nhân. Do đó các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên".

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Trịnh Văn T đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại số tiền đã bị chiếm đoạt cho Công ty. Bị cáo Thành cũng đã tự nguyện khắc phục phần lớn số tiền đã chiếm đoạt của Công ty. Do vậy các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[8] Về hình phạt đối với bị cáo: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của Công ty là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây thêm khó khăn cho Công ty trong hoạt động kinh doanh, phát triển xã hội trước tình hình dịch bệnh phức tạp, hơn nữa còn gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, xử phạt các bị cáo ở trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị lớn nên không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trịnh Văn T đã bồi thường đầy đủ số tiền đã chiếm đoạt của Công ty, Công ty không còn yêu cầu gì khác về phần dân sự đối với bị cáo Tuấn nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với bị cáo Phạm Tiến T, Công ty yêu cầu phải tiếp tục bồi thường số tiền đã chiếm đoạt còn thiếu là 3.584.498 đồng. Bị cáo Phạm Tiến T nhận trách nhiệm bồi thường nhưng chưa thực hiện việc bồi thường. Do vậy cần áp dụng Điều 30 của Bộ luật Hình sự, Điều 48 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Phạm Tiến T phải bồi thường cho Công ty số tiền 3.584.498 đồng.

[11] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra không thu giữ được các vỏ đơn hàng mà Thành và Tuấn đã xin của khách hàng để giả báo với Công ty nên không xem xét.

[14] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 30, Điều 48, Điều 135, Điều 136 và Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử phạt: Trịnh Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt: Phạm Tiến T 09 (chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trịnh Văn T và bị cáo Phạm Tiến T.

- Về dân sự: Buộc bị cáo Phạm Tiến T phải bồi thường cho Công ty Cổ phần giao hàng T số tiền 3.584.498 (ba triệu năm trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm chín mươi tám) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên mà bị cáo chưa thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Buộc bị cáo Trịnh Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Phạm Tiến T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo Trịnh Văn T và bị cáo Phạm Tiến T, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là Công ty Cổ phần giao hàng T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06; PC10 Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- CA huyện An Lão;
- Cơ quan THAHS huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên